

THERAVĀDA



LUẬT TẬP YẾU
KHUDDASIKKHĀ

GIẢNG SƯ
SAYADAW U KUNḌADHĀNA

BHIKKHU PAVARADHAMMIKA
PHIÊN DỊCH VÀ HIỆU ĐÍNH

BUỔI 12

DIỆU NHẪN CHUYỂN DỊCH
NGUYỄN NHƯ TRÌNH BÀ

Chúng ta đã học đến câu kệ thứ 36 và hôm nay Sayadaw sẽ bắt đầu giảng cho chúng ta từ câu kệ thứ 37.

37.

Saṅghāṭi pacchimantena, dīghaso

muṭṭhipañcako;

Uttamantena sugata-cīvarūnāpi vaṭṭati.

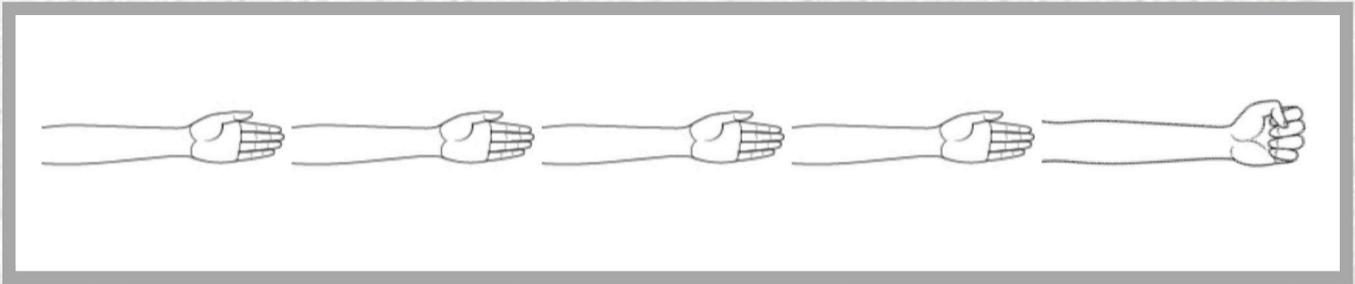
Saṅghāṭi = *double robe*: Y hai lớp - y tăng già lê.

pacchimantena = *as minimum size*: Cỡ nhỏ nhất của y tăng già lê.

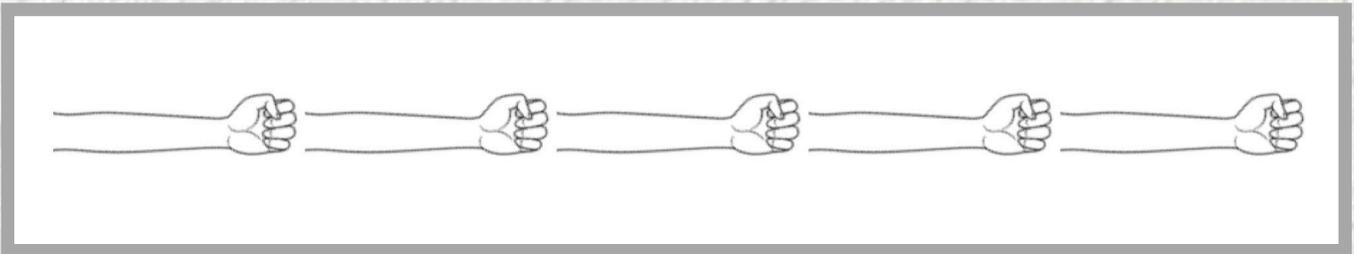
dīghaso = *in length*: Chiều dài của y.

muṭṭhipañcako = *pentad/group of 5 hands, it's last fifth hand is fist/handle or all 5 hands are fist/handle by robe-owner-bhikkhu's hand*: Nhóm năm/nhóm năm hắc tay nghĩa là:

- Phiên bản thứ nhất là:
 - nắm tay cuối của hắc tay nắm lại hoặc
 - hắc tay cuối thứ năm của hắc tay nắm lại.



- Phiên bản thứ hai là:
Cả năm hắc tay đều nắm tay lại.



Tay ở đây không phải là tay của Đức Phật mà là tay của vị Tỳ-kheo (vị mặc tấm y đó).

Muṭṭhi là đo chiều dài của nắm tay

Uttamantena = *as maximum size*: Cỡ lớn nhất.

sugata-cīvar(a)ūnā pi = *less than Buddha's robe size*: nhỏ hơn cỡ y của Đức Phật.

vaṭṭati = *is allowable*: Là được phép.

Chiều dài y của Đức Phật là 9 gang tay. Y tăng già lê cỡ lớn thì không được phép to bằng y của Đức Phật mà phải nhỏ hơn y của Đức Phật. Đây là nói về chiều dài của y.

Nói về chiều rộng của y là câu kệ tiếp theo:

38.

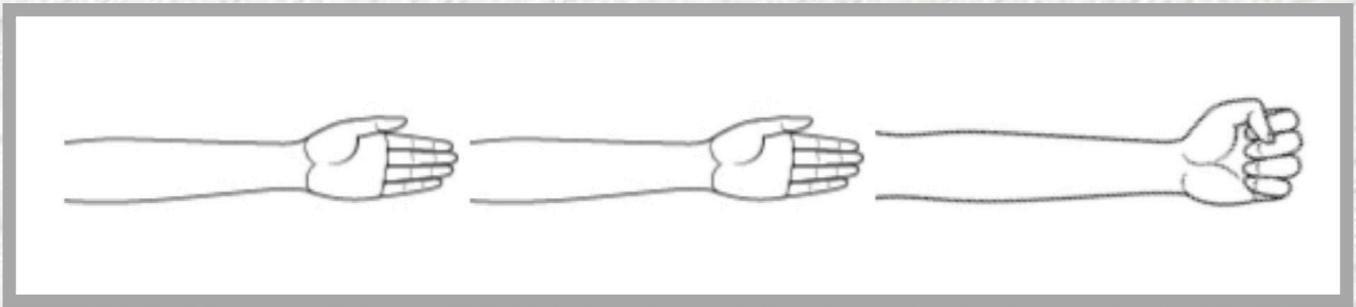
**Muṭṭhittikañca tiriyaṃ, tathā ekamsikassapi;
Antaravāsako cāpi, dīghaso muṭṭhipañcako;
Aḍḍhateyyo dvihattho vā, tiriyantena vaṭṭati.**

tiriyaṃ = *in distance across/width*: Khoảng cách ngang tính theo chiều rộng của y.

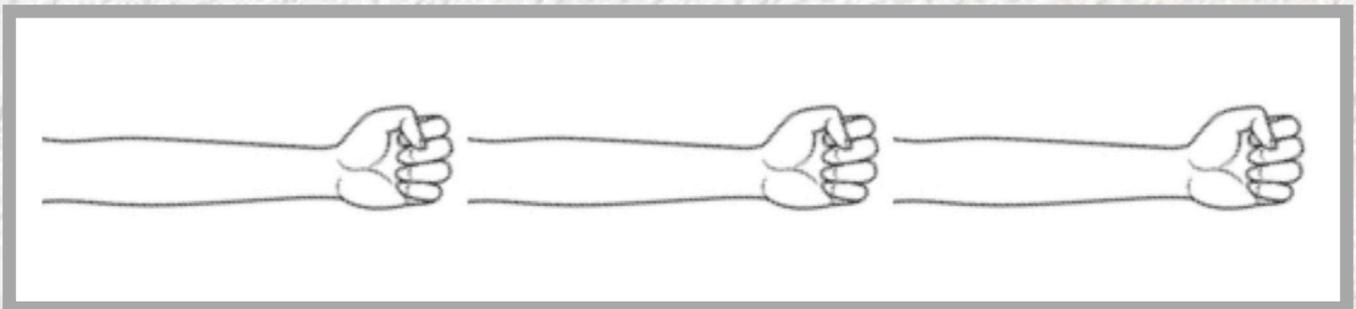
Muṭṭhittikañca = *group of 3 hands, it's last hand is handle or all 3 hands are handle*:

Nhóm ba hắc-tay gồm hai phiên bản khác nhau.

- Phiên bản nhóm ba hắc tay thứ nhất là:
Hắc-tay cuối cùng là nắm lại



- Phiên bản nhóm ba hắc tay thứ hai là:
Cả ba hắc-tay đều nắm lại



Đây được tính là chiều rộng nhỏ nhất của y. Chiều rộng lớn nhất thì cũng phải nhỏ hơn chiều rộng y của Đức Phật. Chiều rộng y của Đức Phật là 6 gang tay (tay của Đức Phật). Cỡ y của Đức Phật là 6 feet và 9 inch, đây là nói về chiều rộng và chiều dài của y Saṅghāṭi (tăng già lê/y hai lớp). Nghĩa rằng chiều dài của y sẽ là 5 hắc tay và

chiều rộng là 3 hắc tay tính theo tay của vị mặc y đó.

tathā = *in that way/likewise*: Theo cách đó/ giống như.

ekaṃsikkassapi = *also size of upper robe*: Cũng là cỡ của thượng y, y vai trái và cùng với kích cỡ của y tăng già lê. Như vậy thì kích cỡ của y tăng già lê và y vai trái là giống nhau.

Bây giờ chúng ta sẽ nói về y nội (hạ y)

Y NỘI (HẠ Y)

Chiều dài của y cũng là 5 hắc tay giống với chiều dài của thượng y (y hai lớp). Chiều rộng của y là 2 hắc tay rưỡi hoặc là 2 hắc tay.

Antaravāsako cāpi = *but, lower robe, also*: Nhưng, hạ y, cũng vậy.

dīghaso = *in length*: Theo chiều dài.

muṭṭhipañcako = *pentad of which last hand is handle or all 5 hands are handle:*

Nhóm năm,

- nhóm cuối hắc tay là nắm lại, hoặc
- tất cả hắc tay là nắm lại.

Aḍḍhateyyo = *Two & half hands:* 2 hắc tay rưỡi.

dvihattho vā = *or 3 hands:* Hay 3 hắc-tay.

tiriyantena = *in width:* Chiều rộng.

vaṭṭati = *is allowable:* Là được phép.

39.

**Nisīdanassa dīghena, vidatthi dve visālato;
Diyadḍhaṃ dasā vidatthi, sugatassa
vidatthiyā.**

Nisīdanassa (Nisīdana's): Tọa cụ được tính theo gang tay của Đức Phật chứ không được tính theo gang tay của vị Tỳ-kheo.

dīghena = *in length:* Chiều dài.

vidatthi dve = *there are 2 spans*: Hai gang tay.

Có chiều dài là hai gang tay và,

visālato = *in width*: Chiều rộng.

Diyadḍham = *there are one & half spans*:

Có 1 gang tay rưỡi.

dasā = *fringe/robe's edge, it is divided into 3 pieces among which one piece may cover the organ to protect other robes etc. from dirty semen if released*: Có một miếng ở phía rìa/ viền y được chia ra làm ba mảnh trong đó có một miếng che bộ phận (đường tiêu), một miếng được đập lên bảo vệ y chính khi đang ăn để lỡ may cơm hay vật thực có rơi xuống thì không làm bẩn y, hoặc một miếng để tránh khỏi bị bẩn y bởi tinh dịch nếu bị xuất tinh.

Do vậy Nisīdanassa là tọa cụ có tác dụng để ngồi hoặc dùng làm bảo vệ y chính.

vidatthi = *there is 1 span*: Có 1 gang tay.

sugatassa vidatthiyā = *by Buddha's span*: Bằng gang tay Đức Phật.

Tiếp theo là

Y DÙNG ĐỂ CHE CHỖ NGỨA

40.

Kaṇḍuppaṭicchādikassa, tiriyaṃ dve vidatthiyo;

Dīghantato catassoṃ, sugatassa vidatthiyā.

Kaṇḍuppaṭicchādikassa = *itch-covering-robe's*:
Y che chỗ ngứa.

tiriyaṃ = *in width*: Chiều rộng.

dve vidatthiyo = *there are 2 spans*: Có 2 gang.

Dīghantato = *in length*: Chiều dài.

catassova = *there are 4 spans only*: Chỉ có 4 gang tay.

sugatassa vidatthiyā = *by Buddha's span*: Tính theo gang tay Đức Phật.

Y che ngựa này có nghĩa là khi bị những vết thương ngoài da và phải bôi thuốc. Như vậy để tránh làm bản thượng y và hạ y của mình thì sẽ quấn cái y che ngựa này lên trên vết thương đó để bảo vệ y chính khỏi bị bẩn.

41.

**Vassikasāṭikāyāpi, dīghaso cha vidatthiyo;
Tiriyaṃ aḍḍhateyyāva, sugatassa vidatthiyā.**

Vassikasāṭikāyāpi = *rain-bathing-robe's also*: Y tắm mưa cũng vậy.

dīghaso = *in length*: Chiều dài.

cha vidatthiyo = *there are 6 spans*: Là sáu gang tay.

Tiriyam = *in width*: Chiều rộng.

aḍḍhateyyāva = *there are 2 & half spans only*:
Chỉ có 2 gang tay rưỡi.

sugatassa vidatthiyā = *by Buddha's span*: Tính theo gang tay Đức Phật.

Kích cỡ của y tấm mưa được tính bằng chiều dài là 6 gang tay và chiều rộng là 2 gang tay rưỡi (tính theo gang tay của Đức Phật).

Tam y có nghĩa là y Saṅghāṭi (y hai lớp), y vai trái và hạ y.

42.

**Ettha chedanapācitti, karontassa taduttari;
Paccattharaṇa mukhacoḷā,
ākaṅkhitappamāṇikā.**

Trong sáu y này nếu kích cỡ vượt quá kích cỡ cho phép thì sẽ bị phạm vào tội Pācittiya - ung đối trị. Do vậy trước khi sám hối tội ung đối trị thì phải cắt bỏ phần dư ra.

Ettha = *in these 6 robes*: Trong sáu y này.

chedanapācitti = *there is pācitti-offence in which has cutting action additional size of these robes before confession*: Phạm ung đối trị pācitti và phải cắt bỏ phần y quá kích cỡ trước khi sám hối.

karontassa = *to the bhikkhu who makes*: Vị Tỳ-kheo làm.

taduttari = *over/beyond that size*: Quá, vượt quá cỡ đó.

Gọi đây là ung xả đối trị có nghĩa là vị Tỳ-kheo phải cắt phần vải, phần y vượt quá kích cỡ đó trước khi đi sám hối. Ví dụ nếu y của vị Tỳ-kheo to, rộng bằng với cỡ y của Đức Phật thì trường hợp này vị đó phải cắt.

Paccattharaṇa = *a bed/floor-sheet*: Tấm trải giường/thảm trải sàn.

mukhacoḷā = towel: Khăn.

ākaṅkhitappamāṇikā = these 2 robes; bed sheet & towel have unlimited size as he wishes: Hai loại y này (y trải giường & khăn) là không giới hạn về kích cỡ của y, kích cỡ tùy thuộc vào vị Tỷ-kheo đó mong muốn.

Nhóm sáu y trước là nhóm có giới hạn về kích cỡ còn nhóm hai y này thì không giới hạn về kích cỡ của y. Chúng ta đã học tổng cộng là tám y.

Tiếp theo là y thứ chín:

43.

Parikkhāraḷe gaṇanā, pamāṇaṃ vā na dīpitaṃ;

Tathā vatvā adhiṭṭheyya, thavikādiṃ vikappiyaṃ.

Parikkhāraḷe = in the 9th Parikkhāraḷa robe: Trong y phụ tùng thứ chín.

gaṇanā = *number/counting/quantity*: số/đếm/số lượng. Trong y phụ từng thứ chín sẽ không giới hạn về số lượng.

pamāṇam vā = *and maximum size*: Và cỡ lớn nhất.

na dīpitam = *are unlimited/not be shown in the aṭṭhakathās*: Là giới hạn/ không thấy trong chú giải Aṭṭhakathā.

Tathā = *in that way/as that Parikkhāraḥ*: Theo cách này/ như y phụ từng đó.

vatvā = *having said*: Đã nói.

adhiṭṭheyya = *may determine*: Có thể nguyện.

thavikādiṃ = *bag etc*: Túi, v.v..

vikappiyam = *which has enough size able to do vikappanā*: Y mà có đủ kích cỡ để vikappanā.

Những y còn lại như: rèm, túi đeo ở bên vai, v.v..
Tất cả những thứ này là có đủ kích cỡ để làm

vikappanā (chú nguyện, chia sẻ quyền sở hữu hoặc ký gửi).

Những y trên là những y phụ tùng và bây giờ là những y phải vikappanā thì phải đủ kích cỡ ví dụ như 1 feet, 2 feet, 30 phân hoặc 60 phân v.v.. Nếu kích cỡ to hơn kích thước này thì phải vikappanā (nguyện y). Chúng ta cũng có thể thấy những chiếc túi mà các vị Tỳ-kheo hay đeo bên vai, do kích cỡ của nó lớn nên bắt buộc phải chú nguyện làm y phụ tùng (Parikkhāraṇa).

Ở tại thiên lâm Pa Auk thì các vị luôn luôn chú nguyện áo bát (túi đựng bát) và tọa cụ làm y phụ tùng (Parikkhāraṇa).

44.

**Ahatāhatakappānaṃ, saṅghāṭi diguṇā siyā;
Ekacciyottarāsaṅgo, tathā antaravāsako.**

Ahatāhatakappānaṃ = *new/not spoiled and similar to new cloths*: Vải mới, vải chưa bị hư hoại và giống như vải mới.

saṅghāṭi = *double robe*: Y hai lớp (y tăng già lê).

diguṇā = *twofold*: Hai lớp.

siyā = *should be*: Phải là.

Ekacciyo = *onefold*: Một lớp.

(u)ttarāsaṅgo = *upper robe*: Thượng y (y vai trái) chỉ có một lớp.

tathā = *should be in that way; onefold*: Phải theo cách này.

Antaravāsako = *lower robe*: Hạ y (y nội) cũng tương tự như vậy, chỉ có một lớp thôi.

45.

**Utuddhaṭāna dussānaṃ, saṅghāṭi ca
catugguṇā;**

Bhaveyyuṃ diguṇā sesā, paṃsukūle yathāruci.

Utuddhaṭāna-dussānaṃ = *of old cloths pulled out after long time*: Vải cũ lấy ra sau thời gian dài.

saṅghāṭi ca = *But, double robe*: Nhưng, y hai lớp.

catugguṇā = *four-fold*: Bốn lớp.

Nghĩa là y saṅghāṭi đã rất là cũ rồi nên Đức Phật cho phép bốn lớp.

Bhaveyyuṃ = *should be*: Phải là.

Diguṇā = *twofold*: Hai lớp.

Sesā = *remaining upper robe & lower robe*: Còn lại thượng y và hạ y.

Câu này có nghĩa là:

Y còn lại là thượng y và hạ y thì phải là hai lớp. Bởi vì khi y đã cũ thì nó sẽ dễ bị rách nên Đức Phật cho phép y tăng già lê được bốn lớp, còn đối

với những y còn lại như y vai trái (y nội) thì phải là hai lớp.

Pamsukūle = *in the rag from a dust heap/ waste piece of cloth*: Vải y phần tảo được lấy từ bãi rác hoặc vải bị người ta vứt bỏ.

Yathāruci = *unlimited layers as he likes*: Tùy theo sự mong muốn của vị ấy mà không giới hạn kích cỡ, không giới hạn về lớp (bao nhiêu lớp cũng được).

Nếu một vị Tỳ-kheo mong muốn y sử dụng phần tảo thì có thể may y năm lớp hoặc mười lớp tùy theo mong muốn của vị đó.

Cách đây khoảng mười năm ở thiên lâm Pa Auk Mawlamyine có một vị Tỳ-kheo sử dụng y phần tảo. Y của vị đó sử dụng được lấy từ nhiều miếng vải nhỏ xếp lại với nhau và cũng rất là nhiều lớp. Sayadaw nghĩ rằng, thời Đức Phật để kiếm một bộ y sẽ rất là khó khăn nhưng thời bây giờ thì những vị Tỳ-kheo có thể rất dễ dàng có được những bộ y. Khoảng ba năm trước thì có một thí

chủ ở công ty May 10 ở Việt Nam đã cúng dường toàn bộ y cho toàn bộ chư tăng ở khắp tất cả các tu viện thuộc trường thiền Pa Auk ở Myanmar. Cô thí chủ đã cúng dường này là một người biết luật và biết cách may y.

46.

Tīsu dve vāpi ekam vā, chinditabbam pahoti yam;

Sabbesu appahontesu, anvādhimādiyeyya vā;

Acchinnañca anādiṇṇam, na dhāreyya ticīvaram.

Tīsu = *Among the triad of robes; Saṃghāti, Uttarāsaṅga, Antaravāsaka*: Là tam y (y hai lớp, thượng y, hạ y).

dve vāpi = *2 robes or*: Hai y hoặc,

ekam vā = *1 robe*: Một y.

chinditabbam = *should be cut*: Phải được cắt.

Nếu những y này bị quá khổ, quá kích cỡ thì một trong hai y này phải cần cắt bỏ phần dư đó ra.

pahoti = *is sufficient in size when it is cut*: Đủ kích cỡ khi cắt.

Yam = *robe which*: Y mà.

Sabbesu = *when all robes; Saṃghāti, Uttarāsaṅga, Antaravāsaka*: Khi tất cả y (y hai lớp, thượng y, hạ y).

appahontesu = *are not sufficient in size because of cutting*: Thiếu kích cỡ do cắt.

Nếu tất cả y (y hai lớp, thượng y, hạ y) bị thiếu kích cỡ do cắt thì phải làm sao?

=> Khi đó thì phải lấy một lớp nhất định của y.

Như Sayadaw đã nói là lấy một lớp nhất định của y thì điều này đang bị tranh cãi và vẫn chưa được thống nhất. Ngài Sayadaw vẫn chưa thấy được điểm thống nhất ở chỗ lớp nhất định của y là ở

chỗ nào nhưng hiện tay chỗ nhất định đó là viền cắt của y, nơi có hai lớp.

anvādhimādiyeyya vā = *should take guest layer in certain place of robe*: Phải lấy lớp nhất định của y.

Acchinnañca = *not yet cut, or*: Chưa cắt, hay.

Anādiṇṇaṃ = *not yet taken guest layer*: Chưa lấy bởi lớp y phụ.

na dhāreyya = *should not do aditṭhāna*: Không được nguyện.

Ticīvaram = *3 robes*: Ba y.

Đối với y vẫn chưa được cắt ra như vậy, chưa được lấy ra bởi phần y phụ (lớp viền y) thì y này sẽ không được phép nguyện.

Bài hôm nay Sayadaw đã giảng xong về chương Y. Hẹn gặp lại tất cả trong bài giảng lần sau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc - trầm luân.

Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi;

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh, Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đều nhau.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

